

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ

Khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện giải phóng mặt bằng Dự án TP1: Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc địa phận xã Thuận An, xã Phù Đổng, thành phố Hà Nội và địa phận phường Từ Sơn, phường Phù Khê, tỉnh Bắc Ninh thuộc Dự án: Dự án thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, giải phóng mặt bằng thực hiện Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình về thủ đô Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của UBND xã Phù Đổng)

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thưởng tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
1	1	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Bắc	Thôn 9, xã Phù Đổng	518.50	389.80	-	128.70	60,419,000	0	302,095,000				3,898,000	366,412,000	
2	2	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Triều	Thôn 9, xã Phù Đổng	152.50	152.50	-	0.00	23,637,500	0	118,187,500				1,525,000	143,350,000	
3	3	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khắc Hữu(loan)	Thôn 9, xã Phù Đổng	366.00	366.00	-	0.00	56,730,000	0	283,650,000				3,660,000	344,040,000	
4	4	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Hải (Mình)	Thôn 9, xã Phù Đổng	518.50	518.50	-	0.00	80,367,500	0	401,837,500				5,185,000	487,390,000	
5	6	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khoa Bình	Thôn 9, xã Phù Đổng	152.50	152.50	-	0.00	23,637,500	0	118,187,500				1,525,000	143,350,000	
6	7	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khoa Tráng	Thôn 9, xã Phù Đổng	122.00	79.10	42.90	0.00	18,910,000	0	94,550,000				1,220,000	114,680,000	
7	8	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Bá Thời (yến)	Thôn 9, xã Phù Đổng	335.50	5.40	-	330.10	837,000	0	4,185,000				54,000	5,076,000	
8	9	Hộ gia đình ông Phan Thế Đình (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông Phan Thế Đình	Thôn 9, xã Phù Đổng	91.50	91.50	-	0.00	14,182,500	0	70,912,500				915,000	86,010,000	
9	10	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thạc Hợp	Thôn 9, xã Phù Đổng	366.50	366.50	-	0.00	56,807,500	0	284,037,500				3,665,000	344,510,000	
10	11	Hộ gia đình ông Nguyễn Thạc Bách (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông Nguyễn Thạc Bách	Thôn 9, xã Phù Đổng	183.00	183.00	-	0.00	28,365,000	0	141,825,000				1,830,000	172,020,000	
11	12	Hộ gia đình ông (bà) Lý Duy Thiện (đó)	Thôn 9, xã Phù Đổng	152.50	152.50	-	0.00	23,637,500	0	118,187,500				1,525,000	143,350,000	
12	13	Hộ gia đình ông Đỗ Văn Giao (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông Đỗ Văn Giao	Thôn 9, xã Phù Đổng	427.00	427.00	-	0.00	66,185,000	0	330,925,000				4,270,000	401,380,000	
13	14	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Đình Tắc (Nhuận)	Thôn 9, xã Phù Đổng	305.00	305.00	-	0.00	47,275,000	0	236,375,000				3,050,000	286,700,000	
14	15	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Mai	Thôn 9, xã Phù Đổng	244.00	244.00	-	0.00	37,820,000	0	189,100,000				2,440,000	229,360,000	
15	16	Hộ gia đình ông Lê Văn Dũng (Xùng) (đã chết) và những người thừa kế hợp pháp của ông Lê Văn Dũng (Xùng)	Thôn 9, xã Phù Đổng	213.50	213.50	-	0.00	33,092,500	0	165,462,500				2,135,000	200,690,000	
16	17	Hộ gia đình ông (bà) Phan Thế Đình	Thôn 9, xã Phù Đổng	305.00	305.00	-	0.00	47,275,000	0	236,375,000				3,050,000	286,700,000	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thường tiền độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
17	18	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Chúc	Thôn 9, xã Phú Đồng	122.00	122.00	-	0.00	18,910,000	0	94,550,000				1,220,000	114,680,000	
18	21	Hộ gia đình ông (bà) Đoàn Văn Chiến	Thôn 9, xã Phú Đồng	518.50	518.50	-	0.00	80,367,500	0	401,837,500				5,185,000	487,390,000	
19	23	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khắc Ưng	Thôn 9, xã Phú Đồng	91.50	91.50	-	0.00	14,182,500	0	70,912,500				915,000	86,010,000	
20	24	Hộ gia đình ông (bà) Phan Thế Tường	Thôn 9, xã Phú Đồng	122.00	122.00	-	0.00	18,910,000	0	94,550,000				1,220,000	114,680,000	
21	25	Hộ gia đình ông (bà) Lâm Đình Khoa (Tuất)	Thôn 9, xã Phú Đồng	183.00	183.00	-	0.00	28,365,000	0	141,825,000				1,830,000	172,020,000	
22	26	Hộ gia đình ông (bà) Lâm Đình Tân	Thôn 9, xã Phú Đồng	152.50	152.50	-	0.00	23,637,500	0	118,187,500				1,525,000	143,350,000	
23	27	Hộ gia đình ông (bà) Phan Thế Thịnh	Thôn 9, xã Phú Đồng	366.00	366.00	-	0.00	56,730,000	0	283,650,000				3,660,000	344,040,000	
24	29	Hộ gia đình ông (bà) Phan Thế Nhượng	Thôn 9, xã Phú Đồng	91.50	91.50	-	0.00	14,182,500	0	70,912,500				915,000	86,010,000	
25	30	Hộ gia đình ông (bà) Phan Thế Từ	Thôn 9, xã Phú Đồng	91.50	91.50	-	0.00	14,182,500	0	70,912,500				915,000	86,010,000	
26	33	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Tuấn	Thôn 9, xã Phú Đồng	152.50	152.50	-	0.00	23,637,500	0	118,187,500				1,525,000	143,350,000	
27	34	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Xuân Giao	Thôn 9, xã Phú Đồng	183.00	183.00	-	0.00	28,365,000	0	141,825,000				1,830,000	172,020,000	
28	35	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Sâm	Thôn 9, xã Phú Đồng	152.50	152.50	-	0.00	23,637,500	0	118,187,500				1,525,000	143,350,000	
29	36	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Thục	Thôn 9, xã Phú Đồng	91.50	91.50	-	0.00	14,182,500	0	70,912,500				915,000	86,010,000	
30	37	Hộ gia đình ông (bà) Lâm Đình Chuyển	Thôn 9, xã Phú Đồng	427.00	427.00	-	0.00	66,185,000	0	330,925,000				4,270,000	401,380,000	
31	38	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Mông Tường	Thôn 9, xã Phú Đồng	213.50	150.20	-	63.30	23,281,000	0	116,405,000				1,502,000	141,188,000	
32	39	Hộ gia đình ông (bà) Đàm Thị Tơ	Thôn 9, xã Phú Đồng	152.50	148.90	3.60	0.00	23,637,500	0	118,187,500				1,525,000	143,350,000	
33	40	Hộ gia đình ông (bà) Đàm Văn Sung	Thôn 9, xã Phú Đồng	152.50	152.50	-	0.00	23,637,500	0	118,187,500				1,525,000	143,350,000	
34	41	Hộ gia đình ông (bà) Lâm Đình Quyền (tính)	Thôn 9, xã Phú Đồng	335.50	335.50	-	0.00	52,002,500	0	260,012,500				3,355,000	315,370,000	
35	42	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Xê	Thôn 9, xã Phú Đồng	244.00	244.00	-	0.00	37,820,000	0	189,100,000				2,440,000	229,360,000	
36	43	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Trường (huong)	Thôn 9, xã Phú Đồng	244.00	244.00	-	0.00	37,820,000	0	189,100,000				2,440,000	229,360,000	
37	44	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Văn Hiệp	Thôn 9, xã Phú Đồng	274.50	274.50	-	0.00	42,547,500	0	212,737,500				2,745,000	258,030,000	
38	45	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Thị Hợi (dúc)	Thôn 9, xã Phú Đồng	61.00	61.00	-	0.00	9,455,000	0	47,275,000				610,000	57,340,000	
39	46	Hộ gia đình ông (bà) Đỗ Văn Thêm	Thôn 9, xã Phú Đồng	213.50	213.50	-	0.00	33,092,500	0	165,462,500				2,135,000	200,690,000	
40	47	Hộ gia đình ông (bà) Lâm Đình Chính	Thôn 9, xã Phú Đồng	244.00	243.20	0.80	0.00	37,820,000	0	189,100,000				2,440,000	229,360,000	

STT	Số HS	Họ và tên	Địa chỉ	Diện tích đất thu hồi (m2)				Tiền bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi (đ)	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu trên đất (đ)	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm (đ)	Hỗ trợ ổn định đời sống và ổn định sản xuất (đ)			Tiền Thưởng tiến độ	Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đ)	Ghi chú
				Diện tích (m2)	Diện tích trong chỉ giới (m2)	Diện tích thu hồi nốt (m2)	Diện tích còn lại (m2)				Nhân khẩu (khẩu)	Tỉ lệ thu hồi (%)	Tiền hỗ trợ ổn định đời sống, ổn định sản xuất (đ)			
41	48	Hộ gia đình ông (bà) Lâm Đình Thụ	Thôn 9, xã Phú Đông	671.00	46.20	-	624.80	7,161,000	0	35,805,000				462,000	43,428,000	
42	5	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khoa Lộc	Thôn 9, xã Phú Đông	122.00	122.00	-	0.00	18,910,000	0	94,550,000				1,220,000	114,680,000	
43	20	Hộ gia đình ông (bà) Nguyễn Khắc Tân (Nguyễn)	Thôn 9, xã Phú Đông	122.00	122.00	-	0.00	18,910,000	0	94,550,000				1,220,000	114,680,000	
Tổng				10,248.50	9,054.30	47.30	1,146.90	1,410,748,000	0	7,053,740,000	0	0	0	91,016,000	8,555,504,000	